

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: TRƯỜNG MÀM NON
(Thời gian thực hiện từ ngày 8/9 đến ngày 26/9/2025)

TT	Độ tuổi	TT MT	Mục tiêu		Nội dung	Hoạt động	Điều chỉnh, bổ sung
				Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất							
a) Phát triển vận động							
1	3	1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5T: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: ` Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.(4: kết hợp với nắm, mở bàn tay.	` Bước lên phía trước, sang ngang.	* Thế dục sáng: - Tập các động tác thể dục kết hợp bài hát: Đu quay, thể dục sáng, - Tay: Đưa 2 tay lên cao , ra phía trước, sang hai bên(1,2),Co duỗi tay kết hợp kiễng chân (3) - Bụng: Cúi người về phía trước(1,2), Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông(3) - Chân: Ngồi xổm đứng lên(1,2), Bật tại chỗ(3)	
2	4	1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	5: kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân)). ` Co và duỗi tay(3: Bắt chéo 2 tay trước ngực. 4: Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). 5: Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân) ` Cúi về phía trước. ` Quay sang trái, sang phải ` Nghiêng	Ngửa người ra sau ` Nhún chân.		
3	5	1	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		Tay: ` Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước		

				người sang trái, sang phải. ` Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ	sang phải sang trái.		
4	3	2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - ` Đi kiễng gót liên tục 3m.		` Đi kiễng gót.	* Hoạt động học: Đi kiễng gót	
5	4	2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - ` Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - ` Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	` Đi bằng gót chân (1)		* Hoạt động học: Thể dục: Đi bằng gót chân	
6	5	2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng mép ngoài bàn chân	` Đi bằng mép ngoài bàn chân.		* Hoạt động học: Thể dục: Đi bằng mép ngoài bàn chân	
7	3	4	Trẻ có thể phối hợp tay - mắt trong vận độngLăn bóng với cúp	Lăn bóng với cô		HĐH: Thể dục Lăn bóng với cô	
8	4	4	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung bóng lên cao và bắt bóng	Tung bóng lên cao và bắt bóng		HĐH: Thể dục:Tung bóng lên cao và bắt bóng	
9	5	4	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận	Tung bóng lên cao và bắt bóng		HĐH: Thể dục:Tung	

			động			bóng lên cao và bắt bóng	
10	3	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò theo hướng thẳng		Bò theo hướng thẳng.	* Hoạt động học: Thể dục: Bò theo hướng thẳng	
11	4	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4m	* 4,5 T: - Bò bằng bàn tay bàn chân: (4: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. 5: Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.)		* Hoạt động học: Thể dục: - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4m	
12	5	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m			* Hoạt động học: Thể dục: - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m,	
12	3	6	Thực hiện được các vận động: • Xoay tròn cổ tay. • Gập, đan ngón tay vào nhau.	* 3,4,5 T- Tô- Cài, cởi cúc.* 4,5T- Xâu, buộc dây.	• Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. • Đan, tết.	Thể dục sáng: Xoay cổ tay, gập mở các ngón tay	
14	4	6	Trẻ thực hiện được các vận động: • Cuộn - xoay tròn cổ tay • Gập, mở, các ngón tay,		• Vo, xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê,	Chơi ngoài trời: Vẽ, vo tờ giấy làm quả bóng	

					véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi ... • Gập giấy.		
15	5	6	Trẻ thực hiện được các vận động: • Uôn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. • Gập, mở lần lượt từng ngón tay		• Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. • Bẻ, nắn. • Lắp ráp.		
<i>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>							
16	3	9	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, canh rau	3,4,5T Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc của địa phương	Nhận biết món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, cá nướng	Hoạt động ăn: Trò chuyện với trẻ về tên món ăn Hoạt động chiều: Trò chuyện với trẻ về món ăn quen thuộc của địa phương và dạng chế biến	
17	4	9	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc,		• Nhận biết một số món ăn, thực phẩm Cơm nếp, cá	đơn giản của một số món ăn quen thuộc như: Cá suối nướng, thịt luộc, cơm nếp, măng	

			nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu com, nấu cháo		nướng, rau săn..... • Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn của địa phương	đắng, măng chua, rau săn luộc, nộm.	
18	5	9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu com, nấu cháo...		• Nhận biết một số món ăn, thực phẩm của địa phương, mang đặc trung của địa phương như măng đắng, măng chua, cá nướng, com nếp, rau săn		
19	3	11	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:• Rửa tay, lau mặt, súc miệng. •	* 4,5 tuổi: Đi vệ sinh đúng nơi quy định, * 3,4,5 tuổi: Tập luyện kỹ năng đánh	• Làm quen cách đánh răng, lau mặt. •	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. Cô hướng dẫn trẻ lau mặt, rửa tay trước khi ăn,	

			Tháo tất, cởi quần, áo	răng , lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.	Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn- Giờ đón trẻ: Cô tuyên truyền với phụ huynh ở nhà hướng dẫn con cách đánh răng.	
20	4	11	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: • Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. • Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.			* Hoạt động ăn: Thực hành cho trẻ tự cầm bát, thìa và xúc ăn. Cho trẻ tự lấy cốc uống nước.	
21	5	11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. • Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. • Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.			* Hoạt động ăn: Cho trẻ tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi ăn Cho trẻ tự thay quần áo khi thời tiết nóng, khi bị ướt, bị bẩn. Cho trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	
22	3	13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	Tập luyện một số hành vi tốt trong ăn uống, ăn nhiều loại thức ăn		* Hoạt động đón trẻ: Cô nhắc nhở phụ huynh ở nhà vệ sinh cho trẻ, đến lớp mặc quần áo phù hợp với thời tiết, cho	
23	4	13	. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: • Mời cô, mời				

			bạn khi ăn; ăn từ tổn, nhai kĩ. • Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... • Không uống nước lã.			trẻ đi đầy đủ dép khi đến lớp. Đội mũ khi ra nắng *Hoạt động góc: Góc phân vai: Bác sĩ Nhắc nhở trẻ gọi cô giáo khi bị đau, chảy máu.	
24	5	13	. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:• Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tổn. • Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. • Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. • Không uống nước lã, ăn quả vật ngoài đường.				
25	3	17	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: • Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... • Không tự lấy thuốc uống. • Không leo trèo bàn ghế, lan can. • Không nghịch các vật sắc nhọn. • Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	3,4,5 tuổi • Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. Nhận biết	Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	* Hoạt động đón trẻ: Cho trẻ xem videp không an toàn. Không đi theo người lạ * Hoạt động ăn: Cho trẻ nói tên món ăn, chất dinh dưỡng Hoạt động ngoài trời: Nhắc nhở trẻ không leo trèo cssy Cho trẻ xem một số hành	

			một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. • Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. 4,5 tuổi Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, dọa nạt.		động nguy hiểm	
26	4	17	- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: • Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống		* Hoạt động đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video, hình ảnh về hành động không an toàn khi ở trường lớp và khi ở nhà. Không trả trẻ cho người lạ,	

			thuốc khi không được phép của người lớn. • Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		tuyên truyền với phụ huynh đưa trẻ đi học đúng giờ và đón trẻ. Cho trẻ xem video Mini đi siêu thị.	
27		18	- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: • Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. • Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.		Hoạt động ăn: Cô giới thiệu món ăn, chất dinh dưỡng. Nhắc nhở trẻ không được ăn thức ăn có mùi ôi, thiu * Hoạt động chơi ngoài trời: Cô nhắc trẻ không chơi đồ chơi sắc nhọn, không chơi những nơi không an toàn	
28	5	17	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: • Biết không tự ý uống thuốc. • Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.			
29		18	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi			

			người giúp • Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.				
30		19	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: • Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.				
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức							
a) Khám phá khoa học							
31	3	19	Trẻ có khả năng sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	* 3,4,5 T: ` Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. (3: Đặc điểm nổi bật ` Đặc điểm			
32	3	22	Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. ` Cách chăm		* Hoạt động học: KPKH: Trò chuyện về một số đồ dùng đồ chơi của lớp	
33		19	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như	sóc và bảo vệ con vật, cây (3: Cây, con vật gần gũi.)		Trò chơi: Phân loại đồ dùng đồ chơi	

			kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	3,4,5 tuổi. ` Phân loại đồ dùng, đồ chơi (3: Theo 1 dấu hiệu nổi bật. 4: Theo 1 - 2 dấu hiệu. 5: theo 2 - 3 dấu hiệu.)		theo yêu cầu của cô * Hoạt động ngoài trời: Quan sát cây hoa thảo ngọc, cây hoa cúc áo, cây ban, cây bưởi.	
34	4	23	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.				
35	5	20	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.				
36	5	24	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		So sánh sự khác nhau, giống nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng		
37	3	23	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	3,4,5 tuổi. ` Phân loại đồ dùng, đồ chơi (3: Theo 1 dấu hiệu nổi bật. 4: Theo 1 - 2 dấu hiệu. 5: theo 2 - 3 dấu hiệu.)		* Hoạt động đón, trả trẻ: Cô trò chuyện với trẻ về một số đồ dùng đồ chơi của lớp Chơi ngoài trời: Trải nghiệm: Vật	
38	4	24	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.				
39	5	25	Trẻ biết phân loại				

			các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	` Phân loại cây, hoa, quả, con vật : (3: Theo 1 dấu hiệu nổi bật. 4: theo 1 - 2 dấu hiệu. 5: theo 2 - 3 dấu hiệu.).		chìm, nổi	
<i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>							
40	3	28	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	3,4,5 t:- Đếm trên đối tượng và đếm theo khả năng	1 và nhiều.	* Hoạt động học: Toán: 1 Và nhiều* Chơi ngoài trời: Cho trẻ đếm cây, hoa, đồ dùng đồ chơi	
41		29	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	(3: trong phạm vi 1. 4: trong phạm vi 2. 5: trong phạm vi 6)3,4 tuổiGộp hai nhóm đối tượng và đếm.-Tách			
42	4	30	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.4,5 tuổi-		* Hoạt động học: Toán: Đếm đến 1, nhận biết số 1 và đếm theo khả năng * Hoạt động ngoài trời: Cho trẻ đếm đồ chơi trên sân trường	
43		31	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Chữ số, số lượng và số thứ tự (4: trong phạm vi 1. 5: trong phạm vi 6.)- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số			
44		34	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.				
45	5	34	- Trẻ biết đếm			* Hoạt động	

			trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	xe,..).		học: Toán: Đếm đến 6, nhận biết số 6, số thứ tự trong phạm vi 6 Tách gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 6	
46		35	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.				
47		38	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.				
c) Khám phá xã hội							
48	3	39	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	3,4,5 t: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. (4, 5: Họ tên. 5: Ngày sinh) - Các hoạt động của trẻ ở trường.		* Hoạt động đón trẻ: Cô trò chuyện với trẻ về tên trường lớp, đồ dùng đồ chơi của lớp	
49	4	44	- Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.		* Hoạt động đón, trả trẻ: Thực hành cho trẻ tự giới thiệu về tên trường, lớp, cô giáo và các bạn	
50		45	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo., tên và công việc của cô			
51		47	- Trẻ nói được tên				

			và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	giáo.(4, 5t: tên địa chỉ của trường, tên và công việc các cô bác ở trường			
52	5	52	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	4, 5 t: - Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.		* Hoạt động đón, trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về tên trường lớp, đồ dùng đồ chơi của lớp, thực hành cho trẻ tự giới thiệu về trường lớp.	
53		53	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Nhu cầu của gia đình (4: Một số nhu cầu của gia đình.)		* Hoạt động góc: góc phân vai: Cô giáo	
54		54	- Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô bác trong trường.			
55	3	41	- Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	4,5 tuổi Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá đặc trưng của địa phương.	Ngày khai giảng, Ngày tết trung thu	* Hoạt động đón, trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về ngày Khai giảng,	
56	4	49	- Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của ngày khai giảng, tết trung thu, tết lúa mới của dân tộc Lào .			* Hoạt động chiều: Trải nghiệm về ngày tết trung thu, Tết lúa mới	
57	5	56	- Trẻ có thể kể tên một số lễ hội như ngày tết trung thu, tết lúa mới và nói về hoạt động nổi bật của những dịp				

			tết trung thu, tết lúa mới của dân tộc Lào. Ví dụ nói: “Ngày tết trung thu được ăn bánh kẹo đi rước đèn, tết lá mới được ăn nhiều hoa quả, có cốm, cơm mới”.				
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ							
59	3	48	Trẻ có thể sử dụng được câu đơn, câu ghép.	3,4,5 tuổi - Hiểu và làm theo yêu cầu (3: Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.		* Hoạt động ăn: cô nhắc trẻ không nói chuyện, cười đùa trong khi ăn, xếp hàng chờ đến lượt khi lên lấy cơm, canh	
60		50	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...				
61	4	56	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	4: Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. 5: Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.) - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.		* Hoạt động chiều: DTCTV: Đến trường, khai giảng, Cái ca, cái cốc, cô giáo, cô y sỹ, chú bảo vệ, quả bóng, búp bê, Bánh kẹo, rước đèn, phá cỗ, cái lược, bàn chải, cái khăn, đồng dao: Cái bóng	
62		57	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...				
63	5	64	Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..	phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ		* Hoạt động học: thơ: Đi học đúng giờ, Trăng rằm	
64		66	Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...				
65		69	Trẻ không nói tục, chửi bậy.				

				tuổi, phù hợp với địa phương 4,5 tuổi - Nghe hiểu nội dung các câu phức.		tháng tám, bé tới trường	
66	3	52	Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	3,4,5 t: - Kể lại truyện đã được nghe (3: Kể lại một vài tình tiết. 5: Kể lại theo trình tự.) - Kể lại sự việc (4: Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. 5: Kể lại sự việc theo trình tự.)	Kể lại một vài tình tiết của sự việc đã được chứng kiến bằng tiếng mẹ đẻ.	Hoạt động đón trẻ: Trò chuyện với trẻ về công việc cần làm mỗi buổi sáng thức dậy: Rửa mặt, đánh răng, đi học Hoạt động chiều: Cho trẻ nghe kể chuyện: mèo con và quyển sách. Hoạt động góc: Góc sách truyện: cho trẻ xem tranh chuyện cổ tích, dân gian, tranh ảnh về chủ đề trường mầm non, tết trung thu. Cho trẻ xem tranh và kể chuyện theo tranh ảnh	
67	4	60	Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	3,4 t: Mô tả sự vật, tranh ảnh (3: mô tả có sự giúp đỡ.)	Kể lại sự việc đã được chứng kiến bằng tiếng mẹ đẻ.		
68	5	71	Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.		
69	4	67	Trẻ sử dụng các ký hiệu để viết : tên, thiệp chúc mừng...	3,4,5t: Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống	Sử dụng ký hiệu để viết tên	* Hoạt động vệ sinh: Cho trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, cho trẻ nhận biết ký	
70	5	83	Trẻ nhận ra kí hiệu thông				

			thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa.	(Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm) 4,5 t: Nhận dạng chữ cái (4: Nhận dạng một số chữ cái. 5: Nhận dạng các chữ cái.)		hiệu ở nhà vệ sinh như: Nhà vệ sinh bạn trai, nhà vệ sinh bạn gái.	
70		84	Trẻ nhận dạng một số chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt: Chữ o, ô, ơ.			* Hoạt động học: LQCC: o, ô, ơ	
71		86	Tô đồ các nét chữ			* Hoạt động học: Tập tô chữ cái o, ô, ơ	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội							
71	3	66	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi.	* 3,4,5 tuổi Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)* -		* Hoạt động góc: Cho trẻ tự lấy đồ chơi, và cất đồ chơi đúng nơi * Hoạt động đón trẻ: Cô nhắc trẻ chào cô, chào bố mẹ khi đến lớp và khi về nhà.* Hoạt động ngoài trời: chơi tự do: Phấn, lá sỏi, màu, ném vòng cổ chai, chuyền bóng* hoạt động ăn, ngủ: Cho trẻ tự xúc ăn gọn gàng, không nói chuyện, cảm ơn cô giáo khi chia cơm và xin cô giáo khi hết cơm- Nhắc trẻ	
73		67	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	4-5 tuổi: Một số quy định nơi công cộng ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép- Hợp tác- Quan tâm, giúp đỡ bạn*			
74		68	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói				
75	4	77	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ		Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”		
76		78	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.				
77		79	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói				
78	5	109	- Trẻ thực hiện		- Tôn		

			được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	3,4 tuổiChờ đến lượt.	trọng, chấp nhận - Chia sẻ. -- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu” - Lịch sự.	khi ra ngoài phải xin phép cô giáo. quy định, cô nhắc trẻ không tranh giành đồ chơi của nhau	
79	5	110	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép				
80	5	111	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.				
81	5	117	- Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;				
82	4	85	- Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	3,4,5 tuổi- Tiết kiệm điện, nước- Giữ gìn vệ sinh môi trường bản làng, trường lớp.- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.		Hoạt động lao động, vệ sinh: Rửa tay khi tay bẩn, thực hành rửa tay dưới vòi nước, hướng dẫn trẻ mở vòi nước nhỏ.- Nhặt rác xung quanh trường.- Chăm sóc cây	
83	5	129	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn				

						hoa	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ							
83	3	75	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	* 3,4 ,5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát. - Vận động theo nhạc (3: Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. 4, 5: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.) - Sử dụng dụng cụ gõ đệm (3: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. 4,5: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu) * 4,5 tuổi Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	Trẻ nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ	* Hoạt động học: Âm nhạc: DH: em đi mẫu giáo, cartuaanf đều ngoan Nghe hát: Ngày đầu tiên cô giáo Biểu diễn văn nghệ Trò chơi âm nhạc: Vòng tròn tiết tấu, níp điệu âm nhạc	
85		76	- Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).				
86		77	Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.				
87	4	89	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ				
88		90	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)				

				âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	
89	5	134	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	
90		135	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	-- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản	

					nhạc, điệu nhảy múa đặc sắc của địa phương		
92	3	79	- Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	* 3,4,5 tuổi - Nhận xét sản phẩm tạo hình.(4,5: Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. 5: Nhận xét về bố cục)		* Hoạt động học: Tạo hình: Vẽ đường tới trường, cắt dán đồ dùng đồ chơi của lớp * Hoạt động ngoài trời: Chơi tự do: Nhóm chơi với phấn, màu nước: Vẽ hoa, đồ chơi, tô màu cây, hoa, trường lớp, nặn bánh trung thu. - Trải nghiệm: làm đèn lồng * Hoạt động góc: Góc tạo hình: Tô màu đồ tranh đồ chơi, đồ dùng của lớp.	
93		81	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.				
94	4	94	- Trẻ có thể phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình - Sử dụng(5: Phối hợp) kỹ năng (3: một số kỹ năng. 4,5: Các kỹ năng) vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm 3: Sản phẩm đơn giản. 4,5: sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. 5: Có bố cục)			
95		96	- Trẻ biết làm lồi, dẹt, bẹt, loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.				
96	5	140	Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.				
97		142	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục				

			cân đối.	* 4,5 tuổi - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.			
--	--	--	----------	---	--	--	--

BGH KÝ DUYỆT

Lường Thị Xuân